

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2019

"V/v ly hôn, nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Bùi Đức Thập.

+ Ông Phạm Ngọc Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 22/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018, về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Xuân T, sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1991

ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi làm việc: Công ty TNHH Thủy sản Hộ phòng N, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Trần Thị N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Trần Xuân T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Anh và chị Trần Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn ngày 16/01/2014. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc chưa được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, chị N lại không chịu khó làm ăn chăm lo

cho con cái và gia đình. Trong khi anh đi làm, ở nhà chị đã bỏ con lại và đi khỏi gia đình anh từ tháng 02/2015. Quan hệ tình cảm vợ chồng cũng chấm dứt từ thời gian đó đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được xin ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 01/9/2014 hiện đang ở với anh. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cũng như trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 02/01/2019 của bị đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Trần Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2014. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình, lao vào cờ bạc xóc đĩa mặc dù chị đã khuyên nhủ anh tu chí làm ăn để lo cho gia đình và con cái nhưng cũng không thành nên chị đành bất lực nên chị đã xin phép gia đình nhà chồng cho con về bên ngoại ở nhưng gia đình nhà chồng không cho chị mang con theo trong khi lúc đó con chị mới được 7 tháng tuổi, vì vậy chị đã để lại con cho anh T và gia đình chồng nuôi và chị đã đi khỏi nhà anh T từ tháng 02/2015. Quan hệ tình cảm vợ chồng cũng chấm dứt từ đó đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn cơ hội đoàn tụ nên anh T làm đơn xin ly hôn, chị cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung Trần Thị Cẩm Tú, sinh ngày 01/9/2014 hiện đang ở với anh T. Chị đề nghị sau khi ly hôn ai nuôi con cũng được, tuy nhiên nếu bên nào nuôi con thì bên không nuôi con không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Xuân T và chị Trần Thị N.

- Về con chung: giao cháu Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 01/9/2014 cho anh T nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng tiền nuôi cháu Tú hàng tháng theo quy định của pháp luật,

- Về án phí: Anh Trần Xuân T chịu 300.000đồng án phí ly hôn. Chị N chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Xuân T và chị Trần Thị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian được gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, tháng 02/2015 vợ chồng sống ly thân, chị bỏ vào Miền Nam làm ăn từ đó đến nay, hiện chị đang làm công nhân tại công ty TNHH Thủy sản H – N phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Khi anh T làm đơn khởi kiện xin ly hôn, chị N và anh T có biên bản thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương giải quyết vụ kiện xin ly hôn giữa anh T và chị, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị N đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, do điều kiện không về Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc để giải quyết vụ án được nên chị đã có bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải cũng như đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử vụ kiện vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân T và chị Trần Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không có sự thương yêu tôn trọng nhau nên khi cả hai người đều cho rằng không ai có trách nhiệm lo cho gia đình con cái, anh chị không tìm ra được biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống để cuối cùng chị đã để con lại và đi khỏi gia đình nhà chồng từ tháng 02/2015 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay cả anh và chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh T xin ly hôn, chị N cũng nhất trí ly hôn. Như vậy xác định đời sống chung của vợ chồng anh T, chị N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T, xử cho anh T

và chị N được ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 01/9/2014 hiện đang ở với anh T.

Sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 500.000đồng, chị N có quan điểm anh T hay chị ai nuôi con cũng được nhưng bên nào nuôi con thì bên không nuôi con không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của các đương sự, HĐXX thấy anh T đã trực tiếp nuôi con từ khi vợ chồng ly thân tháng 02/2015 đến nay, cuộc sống của cháu Tú cũng đã ổn định nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi bố mẹ ly hôn nên giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Luật hôn nhân gia đình thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, trong đó có nghĩa vụ nuôi con. Như vậy chị N không trực tiếp nuôi con, không phải cấp dưỡng nuôi con chỉ khi anh T nuôi con không yêu cầu. Do anh T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên cần buộc chị N phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng nuôi con, anh T không cung cấp được mức thu nhập hàng tháng của chị N, tại phiên tòa anh T đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đồng, xét thấy yêu cầu của anh T là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Xuân T phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự ly hôn. Chị Trần Thị N phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Trần Xuân T và chị Trần Thị N ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 01/9/2014 cho anh Trần Xuân T tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc chị Trần Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 500.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Anh Trần Xuân T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được khấu trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/ 0003444 ngày 24/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc. Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Gia Lộc.
- UBND xã T.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Minh Yến